

Bản án số: 125/2018/HS-PT  
Ngày 30-5-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trọng Hân

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Quốc Chiến

Ông Phan Văn Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 81/2018/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn O do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2018/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Trần Văn O**, sinh năm 1993, tại huyện A, tỉnh Kiên Giang;

Nơi ĐKKHKT: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: Khu phố 6, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Thợ điện – nước; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn A và bà Trần Thị Cẩm N; Có vợ là Nguyễn Thị Mỹ H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11-10-2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 8-2017, Trần Văn O thuê một người tên M (không rõ nhân thân) vào làm công cho O tại thị trấn A, huyện P được một thời gian thì M nghỉ việc. Đến ngày 22-9-2017, M đến gặp và bàn bạc với O làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đi cầm cố lấy tiền chia nhau tiêu xài, O đồng ý rồi đưa cho M 01 tấm ảnh của mình. Đến khoảng 09 giờ, ngày 26-9-2017, M đến đưa cho O 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 178522 mang tên Võ Thanh H và 01 giấy chứng minh nhân dân giả cùng mang tên Võ Thanh H nhưng dán ảnh của O. Khoảng 10 giờ cùng ngày, O điều khiển xe mô tô (xe của M) chở M đến tiệm cầm đồ K tại khu vực 4, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang yêu cầu cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 178522 với số tiền 150.000.000 đồng, chủ tiệm nói nếu cầm với số tiền trên PH có hợp đồng công chứng, còn cầm với số tiền từ 100.000.000 đồng trở xuống thì không cần hợp đồng công chứng. Nghe vậy, O đến Phòng Công chứng số 02 để làm thủ tục công chứng, thì Công chứng viên nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 178522 là giả nên không công chứng. Sau đó, O đi gặp M bàn bạc, cả hai thống nhất cùng đi đến tiệm cầm đồ K, lúc này là khoảng 15 giờ cùng ngày, M đứng ngoài còn O đi vào tiệm gặp anh Nguyễn Minh C là chủ tiệm và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 178522, giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Thanh H yêu cầu cầm 100.000.000 đồng, anh Châu đồng ý và giữ lại 4.000.000 đồng tiền lãi tháng đầu, còn lại đưa cho O số tiền 96.000.000 đồng. Sau khi lấy tiền, O và M về thị trấn A, O lấy 21.500.000 đồng và đưa lại cho M 74.5000.000 đồng. Sau đó, O bị bắt giữ. Riêng đối tượng tên M chưa xác định rõ nhân thân, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm, có căn cứ xử lý sau.

**\*Tang vật thu giữ:**

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 178522;
- 01 giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Võ Thanh H.

**\*Tại Bản kết luận giám định số:** 592/KL – KTHS ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 178522 ghi tên Võ Thanh H là giả và giấy chứng minh nhân dân số 370664018 mang tên Võ Thanh H là giả.

**\*Tại bản án hình sự sơ thẩm số:** 44/2018/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn O phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều

47 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn O 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-10-2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, bị cáo Trần Văn O kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Bản án sơ thẩm áp dụng Điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm còn xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 là phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo cùng M lừa đảo được 100.000.000 đồng. Bị cáo được chia 21.500.000 đồng, còn M được hưởng 74.500.000 đồng, nhưng khi vụ án khởi tố, bị cáo đã tự bỏ ra 100.000.000 đồng trả cho bị hại, sau khi xử sơ thẩm, bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết mới để cấp phúc thẩm xem xét, hành vi phạm tội của bị cáo đến nay đã giảm bớt đi phần nguy hiểm cho xã hội, từ khi sự việc xảy ra đến nay bị cáo đã bị tạm giam 07 tháng 19 ngày, mức này cũng đủ để giáo dục răn đe bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo bằng thời hạn tạm giam và trả tự do cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định của bản án sơ thẩm:

Trần Văn O và đối tượng tên M đến gặp và bàn bạc với nhau làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đi cầm cố lấy tiền chia nhau tiêu xài, O đồng ý rồi đưa cho M 01 tấm ảnh của mình. Đến khoảng 09 giờ, ngày 26-9-2017, M đến đưa cho O 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 178522 mang tên Võ Thanh H và 01 giấy chứng minh nhân dân giả cùng mang tên Võ Thanh H nhưng dán ảnh của O. Khoảng 10 giờ cùng ngày, O điều khiển xe mô tô (xe của M) chở M đến tiệm cầm đồ K tại khu vực 4, thị trấn D, huyện

P, tỉnh Kiên Giang yêu cầu cầm giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 178522 với số tiền 150.000.000 đồng, chủ tiệm nói nếu cầm với số tiền trên phải có hợp đồng công chứng, còn cầm với số tiền từ 100.000.000 đồng trở xuống thì không cần hợp đồng công chứng. Nghe vậy, O đến Phòng Công chứng số 02 để làm thủ tục công chứng, thì Công chứng viên nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 178522 là giả nên không công chứng. Sau đó, O đi gặp M bàn bạc, cả hai thống nhất cùng đi đến tiệm cầm đồ Kim Nga, lúc này là khoảng 15 giờ cùng ngày, M đứng ngoài còn O đi vào tiệm gặp anh Nguyễn Minh C là chủ tiệm và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 178522, giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Thanh H yêu cầu cầm 100.000.000 đồng, anh C đồng ý và giữ lại 4.000.000 đồng tiền lãi tháng đầu, còn lại đưa cho O số tiền 96.000.000 đồng. Sau khi lấy tiền, O và M về thị trấn A, O lấy 21.500.000 đồng và đưa lại cho M 74.5000.000 đồng. Sau đó, O bị bắt giữ. Riêng đối tượng tên M chưa xác định rõ nhân thân, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm, có căn cứ xử lý sau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 ,sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đồng ý với đối tượng tên M lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh nhân dân giả thế chấp tiệm cầm đồ nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại 100.000.000 đồng. Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục xOg cho người bị hại, bị hại có đơn xin xử nhẹ cho bị cáo, được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt 01 năm tù là không nặng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo giữ vai trò đồng phạm giúp sức, tuy chỉ được chia 21.500.000 đồng nhưng sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bị hại 100.000.000 đồng, khắc phục cả phần của đối tượng M. Mặt khác, bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết mới nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo bằng thời hạn tạm giam và trả tự do cho bị cáo. Xét đề

ngộ của Kiểm sát viên là có căn cứ như đã phân tích tại phần [2] nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về điều luật áp dụng: Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tương ứng tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tương ứng tại Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, tù có thời hạn được quy định tương ứng tại Điều 38 – Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357, Khoản 1 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn O 07 (bảy) tháng 19 (mười chín) ngày tù**. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam CA tỉnh KG;
- TAND huyện P;
- THA huyện P;
- VKSND huyện P;
- CQCSĐT huyện P;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu.

(Đã ký)

**Lê Trọng Hân**